

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/KDTM-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo
Ông Lê Tiền Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 196/2024/TLST-KDTM ngày 06/11/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-KDTM ngày 27/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-KDTM ngày 21/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-KDTM ngày 07/3/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty S; địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 2000; địa chỉ: Tầng 2, số 15-17 đường H, khu dân cư C, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 11/10/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty G; địa chỉ: Đường ĐT746, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông HSU TZE NAN, chức vụ: Tổng Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty S và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty S có mối quan hệ đối tác làm ăn, buôn bán với Công ty G. Từ năm 2020 đến năm 2023 Công ty S có bán hàng là các sản phẩm sơn cho Công ty G. Các bên bán căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Theo đó, Công ty S cung cấp hàng hóa cho Công ty G và Công ty G có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S dựa trên các phiếu giao hàng và các hoá đơn tài chính kèm theo. Công ty G xác nhận công nợ thì Công ty S mới xuất hoá đơn tài chính.

Khi giao hàng cho Công ty G, Công ty S đều có phiếu giao hàng và sau đó xuất các hoá đơn tài chính (các chứng từ giao nhận hàng đều có xác nhận của đại diện Công ty G) như thỏa thuận của hai bên cũng như quy định tại Điều 34 của Luật Thương mại năm 2005. Từ thời điểm đặt hàng, giao hàng đến nay Công ty G không có bất cứ khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty S như đã thỏa thuận.

Ngày 31/12/2020, hai bên có xác nhận công nợ với số tiền 816.885.740 đồng. Công ty G đã trả các khoản tiền theo từng đợt đến nay còn nợ Công ty Sơn Hưng Tah số tiền gốc là 595.233.540 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu hai trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Tại bản tự khai đề ngày 26/3/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án buộc Công ty G phải thanh toán cho Công ty S số tiền hàng còn nợ là 595.233.540 đồng và lãi suất như sau:

+ Từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000231):
85.483.200 đồng x 1% x 52 tháng = 44.451.264 đồng.

+ Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000300):
34.528.340 đồng x 1% x 51 tháng = 17.609.453 đồng.

+ Từ ngày 02/10/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000302):
13.063.820 đồng x 1% x 50 tháng 28 ngày = 6.714.803 đồng.

+ Từ ngày 07/10/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000304):
34.528.340 đồng x 1% x 50 tháng 23 ngày = 17.528.887 đồng.

+ Từ ngày 02/11/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000378):
69.056.680 đồng x 1% x 49 tháng 28 ngày = 34.482.302 đồng.

+ Từ ngày 09/11/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000382):
101.420.440 đồng x 1% x 49 tháng 21 ngày = 50.405.959 đồng.

+ Từ ngày 11/12/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000455):
103.585.020 đồng x 1% x 48 tháng 19 ngày = đồng 50.376.848 đồng.

+ Từ ngày 21/12/2020 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000461):
 $84.511.020 \text{ đồng} \times 1\% \times 48 \text{ tháng} \times 9 \text{ ngày} = 40.818.823 \text{ đồng}.$

+ Từ ngày 09/01/2021 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000532):
 $34.528.340 \text{ đồng} \times 1\% \times 46 \text{ tháng} \times 21 \text{ ngày} = 16.124.735 \text{ đồng}.$

+ Từ ngày 19/01/2021 đến ngày 01/01/2025 (Hoá đơn số 0000538):
 $34.528.340 \text{ đồng} \times 1\% \times 46 \text{ tháng} \times 11 \text{ ngày} = 16.009.640 \text{ đồng}.$

Tổng tiền lãi là 294.522.715 đồng. Như vậy, tổng số tiền yêu cầu Công ty G phải thanh toán cho Công ty S cả gốc và lãi tính đến ngày 01/01/2025 là 889.756.255 đồng (Tám trăm tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty G nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, Công ty S Việt Nam yêu cầu Công ty G phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả nên Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty G có trụ sở tại đường ĐT746, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về phạm vi khởi kiện: Tại bản tự khai ngày 26/3/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty G phải thanh toán cho Công ty S cả gốc và lãi tính đến ngày 01/01/2025 là 889.756.255 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nghĩa vụ thanh toán: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là các bảng chi tiết hàng hóa, các hóa đơn giá trị gia tăng và văn bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định rằng từ năm 2020 đến năm 2021 nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn các mặt hàng về sơn cho bị đơn. Ngày 31/12/2020, hai bên có xác nhận công nợ số tiền 816.885.740 đồng. Từ năm 2020 đến năm 2023 hai bên vẫn thực hiện hoạt động mua bán. Nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán theo các kỳ và đến hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 595.233.540 đồng. Điều này phù hợp với các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000231 ngày 01/9/2020; số 0000300 ngày 01/10/2020, số 0000302 ngày 02/10/2020, số 0000304 ngày 07/10/2020, số 0000378 ngày 02/11/2020, số 0000382 ngày 09/11/2020, số 0000455 ngày 11/12/2020, số 0000461 ngày 21/12/2020, số 0000532 ngày 09/01/2021 và số 0000538 ngày 19/01/2020. Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại Văn bản số 4856/CTBU-TTKT1 ngày 31/12/2024 của Cục thuế tỉnh Bình Dương và Đơn giải trình của bị đơn do Cục thuế tỉnh Bình Dương (nay là Chi cục thuế khu vực XVI) cung cấp thể hiện bị đơn đã kê khai khấu trừ và hoàn thuế đối với các hóa đơn nêu trên và tại Đơn giải trình ngày 18/12/2024 của bị đơn gửi Cục thuế tỉnh Bình Dương cũng xác định bị đơn chậm thanh toán cho nguyên đơn theo đúng các hóa đơn đã kê khai. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ 595.233.540 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại.

[2.2] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Đối chiếu với mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử sơ thẩm xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 1%/tháng đến ngày 01/01/2025 đối với từng hóa đơn tương ứng với số tiền 294.522.715 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 36; Điều 92; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố Tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S đối với bị đơn Công ty G về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bị đơn Công ty G có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty S tổng số tiền là 889.756.255 đồng (Tám trăm tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 595.233.540 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 294.522.715 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1. Bị đơn Công ty G phải chịu 38.692.688 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng).

2.2. Hoàn trả cho Công ty S số tiền 19.167.000 đồng (Mười chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004609 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương